

AI THỰC SỰ TRÁCH NHIỆM VỀ VIỆC MIỀN NAM VIỆT NAM RƠI VÀO TAY CỘNG SẢN?

*Tài liệu mật của Chính phủ Hoa Kỳ được công khai hóa
cho phép trả lời câu hỏi này một cách dứt khoát*

TÔN THẤT THIÊN

Câu hỏi trên đây là một câu hỏi rất tự nhiên. Cũng như hàng ngàn hàng vạn người Việt Nam khác phải bỏ xứ ra đi, tôi đã không ngớt tự đặt cho mình câu hỏi này. Nhưng trong 25 năm qua, tôi không trả lời được câu hỏi này một cách dứt khoát. Tất nhiên tôi cũng có một số giả thuyết, nhưng đó chỉ là giả thuyết phải giữ riêng cho mình, không đưa ra công khai được, vì nó đương nhiên là những lời buộc tội cá nhân này hay cá nhân khác, đoàn thể này hay đoàn thể khác. Ngoài khía cạnh pháp lý - bị thừa kiện vì tội vu khống — , còn khía cạnh đạo đức - vu oan cho người vô tội — , nhất là tội này lại rất nặng. Thật vậy, trách nhiệm thực sự về việc làm mất Miền Nam Việt Nam vào tay cộng sản, làm cho hơn một triệu người phải bỏ xứ ra đi, và cho hàng mấy chục triệu người khác phải sống một cuộc đời đối khổ, dưới sự áp bức đe dọa hàng ngày của những nhân viên nhà nước thô bạo, là một trách nhiệm, nếu không nói là một tội, lớn lắm.

Trong trường hợp riêng của tôi còn một lý do nữa. Đó là tôi phải tự giữ uy tín cho mình. Tôi không thể nói càng, nói ẩu được, mà phải nói cho đúng. Đây cũng là một vấn đề kỹ thuật: nói phải có sách, mách phải có chứng; dữ kiện, tài liệu đưa ra phải hoàn toàn chính xác, không ai phủ nhận được, để có thể dễ dàng bác bỏ những chỉ trích, thách thức, xuyên tạc của những người đặt nghi vấn.

Cho nên nhiều lần cầm bút lên tôi lại bỏ bút xuống, hay, từ ngày có computer, mở trang computer ra lại đóng lại. Mà cứ như thế trong không biết bao nhiêu năm qua.

May thay, tất cả các vấn đề trên đây nay đã

giải quyết ổn thỏa sau sự xuất hiện hai tác phẩm hết sức quan trọng, then chốt, về vụ đảo chính ngày 2 tháng 11 năm 1963: *The Year of the Hare: America in Vietnam, January 25, 1963 - February 15, 1963*, (1) của Giáo Sư Francis Xavier Winters, và *Lodge in Vietnam, A Patriot Abroad*, (2) của Giáo Sư Anne Blair, hai học giả từ hai chân trời xa hoắc nhau: G.S. Winters là người Hoa Kỳ, Bà Blair là người Úc.

Điểm chung giữa hai người này là: họ đã bỏ công nghiên cứu những tài liệu mật về chính sách của chính phủ Kennedy về Việt Nam nói chung, và vụ đảo chính và sát hại Tổng Thống Ngô Đình Diệm nói riêng. Những tài liệu này là những tài liệu mật và tối mật — phức trình, tường trình về những buổi thảo luận nội bộ của Ông Kennedy và ban tham mưu của ông, những điện văn trao đổi giữa Washington và Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn trong những năm 1961-1964. Nó gồm năm quyển mang tit *Foreign Relations of the United States, 1961-1964 (FRUS 1961-1964)*, và những Hồ sơ tổng quát (*General Records*) của Bộ Ngoại giao Mỹ về năm 1964. Những tài liệu này tiết lộ những bàn luận nội bộ mật của Ông Kennedy và cận thần của ông, hàng ngày, hàng giờ, rất đầy đủ, và cho ta biết họ đã bàn gì, tính gì, quyết định gì với nhau, vì lý do gì.

Ngoài ra có tác phẩm *A Death in November: America in Vietnam*, (3) của Bà Ellen J.Hammer, và tác phẩm *Our Vietnam Nightmare*, (4) của bà Marguerite Higgins. Hai tác phẩm này tuy cũ, nhưng cung cấp cho độc giả những chi tiết về bối cảnh xã hội văn hóa, và những gì đã thực sự xảy ra ở các vùng nông

thôn miền Trung và miền Nam trong giai đoạn xảy ra “vụ Phật Giáo.” Cuối cùng tác phẩm *Kennedy in Vietnam, A Prelude to War, American Policy 1960-1963* (5) của William Rust cung cấp cho độc giả chi tiết về chính sách của Kennedy từ 1961 đến 1963, giúp ta hiểu những quyết định của ông này vào năm 1963, như là liên quan giữa các vụ Cuba, Lào và Việt Nam.

Những điều được các G.S. Winters và Blair phanh phui ra qua sự khảo xét rất công phu, tỉ mỉ, tường tận, những tài liệu trên, cùng với một số sự kiện được các Bà Hammer và Higgins phát giác, đã đưa ra ánh sáng rất nhiều dữ kiện quan trọng cho ta kết luận chắc chắn rằng người mang trách nhiệm chính về việc Việt Nam rơi vào tay cộng sản là Ông Kennedy. Có thể nói rằng Ông Kennedy đã đem Miền Nam Việt nam hiến cho cộng sản. Tất nhiên những cận thần của ông ta, như là Ông Averell Harriman, Thứ trưởng đặc trách về Á đông vụ, cùng hai viên chức khác trong “Bộ Ba” (Trio) chủ trương “quát Diệm” - Roger Hilsman và Michael Forrestal — , và kể đó là Ông Henry Cabot Lodge, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt

Nam trong thời gian đó, cũng có phần trách nhiệm của họ. Nhưng người mang trách nhiệm tối cao vẫn là Ông Kennedy, vì theo hiến pháp Hoa Kỳ, ông là người quyết định tối hậu.

Vì sao ta có thể quyết phán như trên? Vì ba lý do. Một, là ông Kennedy đã nhút nhát trước sự tấn công của cộng sản ở Lào, chấp nhận những nhượng bộ tạo cho cộng sản một thế rất tốt để thực hiện một cuộc tấn công Miền Nam

mà không chính quyền Miền Nam nào có thể chống nổi. Hai, là vì sau khi đặt Miền Nam vào một thế hết sức khó khăn, thay vì giúp chính phủ Miền Nam chống đỡ những đòn của lực lượng Miền Bắc, ông lại vừa đổ thừa cho chính phủ này - Chính phủ Ngô Đình Diệm - bất lực, nhưng, đằng khác, lại tạo nên tình thế làm cho chính phủ này càng bất lực thêm, và lấy cơ này để lật đổ nó. Ba, là ông tạo ra một tình hình không cho phép chính phủ Việt Nam hay Hoa Kỳ nào sau Ông Diệm có thể cứu vãn nổi tình thế.

Lào: đầu dây mối nhợ (6)

Đầu dây mối nhợ là vụ Lào. Vì khung cảnh bài này giới hạn, ở đây chỉ có thể nhắc đến những điểm chính. Trước sự tấn công ào ạt của cộng sản Lào và Việt, với sự yểm trợ ồ ạt của Liên Xô vào đầu năm 1961, Ông Kennedy lúc đầu tỏ ra cương quyết ngăn chặn làn sóng đỏ, nhưng sau tháng Tư, sau vụ thất bại Cuba, ông lại xiu, và chỉ thị cho Ông Harriman bằng mọi cách tìm một giải một giải pháp tránh chiến tranh. Giải pháp này là Hội nghị quốc tế Genève về Lào, họp vào tháng 5, 1961, và kết thúc với Hiệp định về Lào tháng 7,

1962. Trong hiệp định này Ông Kennedy đã chấp nhận nhân nhượng cộng sản về ba điểm có thể coi là ba đòn chí tử nện lên Miền Nam Việt Nam. Một là Hoa Kỳ không đòi như quyết Hà Nội phải rút hết quân ra khỏi lãnh thổ Lào, và phải chịu một sự kiểm soát quốc tế chặt chẽ. Hà Nội chỉ rút có 3000 trên tổng số 10.000 quân của họ ở Lào, mà lại không có sự kiểm soát chặt chẽ về điều này. Hai là: Hoa



Kỳ chấp nhận dẹp bỏ SEATO, mà Ông Foster Dulles, Ngoại trưởng thời Eisenhower, đã lập lên vào tháng 10 năm 1954, sau Hội nghị Genève. Hiệp ước này cũng có giá trị như NATO. Một điều khoản của Hiệp ước này đặt Mên, Lào và Miền Nam Việt Nam dưới sự bảo vệ của các quốc gia thành viên, trong đó có Hoa Kỳ. Như vậy hiệp ước này đã ngăn ngừa Trung Cộng và Việt Cộng động quân trong thời gian 1954-1960. Nay, dẹp nó đi là nhấc họ: các ông có động quân cũng không sao. Bà là: Hoa Kỳ không đòi hỏi phải có một cơ quan quốc tế kiểm soát thật chặt chẽ sự chuyển quân dọc biên giới Lào. Cho nên các giới Mỹ ở Sài Gòn gọi “đường mòn Hồ Chí Minh” là “Harriman Memorial Highway” (Đại Lộ Harriman). Ai có đọc *Chiến Thắng Mùa Xuân* của Văn Tiến Dũng chắc nhớ đoạn ông ta ca về con đường rộng “thành thang tám thước,” đã cho Hà Nội đưa hàng vạn quân và chở hàng trăm ngàn tấn khí giới quân cụ vào Miền Nam bằng quân xa chạy ngày lẫn đêm! Cuối cùng, và có lẽ trầm trọng hơn hết, Kennedy chấp thuận cho Ông Harriman, trưởng phái đoàn Hoa Kỳ, được phép bí mật gặp đại diện Hà Nội để hỏi họ có chấp nhận cho Miền Nam Việt Nam “một giải pháp tương tự như giải pháp Lào không?” Đó là bản tiếng cho Hà Nội biết rằng Hoa Kỳ không quyết tâm ngăn cộng sản lấy Miền Nam Việt Nam. Bốn dữ kiện trên đây là những thông điệp gửi cho lãnh đạo cộng sản Hà Nội nói rõ ràng: Mỹ sẽ bỏ rơi Miền Nam Việt Nam như Mỹ đã bỏ rơi Cuba và Lào. Điều này Lê Duẩn hiểu rõ hơn ai cả. Cho nên ông ta đã dùng lý luận sau đây để trấn an các đồng chí Miền Nam. Trong một bức thư gửi Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh) và Trung Ương Cục Miền Nam, ngày 20/4/1961, ông ta viết:

“Thắng lợi bước đầu nhưng rất quan trọng của cách mạng Lào [nghĩa là cộng sản Lào] há chẳng những chứng minh rằng âm mưu của đế quốc Mỹ có thể bị đánh bại, rằng cách mạng có thể bắt Mỹ lui từng bước để tiến lên dành toàn thắng đó sao?” Trong một bức thư khác, gửi Nguyễn Chí Thành, ông nói ông ta biết rằng Mỹ không quyết tâm hay không đủ sức đương đầu với cộng sản. Ông ta viết: “Ở Cuba, Mỹ điều khiển võ dương oai, nhưng không đe dọa nổi một dân tộc anh hùng với bảy triệu dân. Ở Lào, Mỹ đã phải chịu thừa nhận một chính phủ liên hiệp có Pathet Lào tham gia. Cách mạng Lào đã giúp ta hiểu rõ hơn đâu là giới

hạn của Mỹ.” (tháng 5, 1965). Những dữ kiện trên đây đã thúc lãnh đạo Đảng Cộng Sản gia tăng xâm nhập và tấn công Miền Nam sau ngày Kennedy nắm quyền tổng thống Hoa Kỳ (tháng giêng 1961). Sự tấn công này đặt chính phủ Ngô Đình Diệm trước nhiều vấn đề. Vấn đề lớn nhất tất nhiên là về quân sự, phải đối phó với cuộc tấn công ào ạt của Việt Cộng với những phương tiện giới hạn, và với một tình trạng của ngõ Lào mở toang cho Hà Nội chuyển người và khí giới vào Nam và tự do lựa chọn địa điểm tấn công dọc một biên giới rừng rú dài dằng dẳng. Trong tình trạng này, Miền Nam, tự mình, không chống đỡ nổi, dù là dưới chính phủ nào. Vấn đề thứ hai là duy trì ổn định ở hậu căn Miền Nam: vì tình hình khẩn trương, Ông Diệm phải áp dụng những biện pháp kỷ luật để duy trì an ninh ổn định ở hậu căn, và những biện pháp này đã gây bất mãn, kêu ca, chống đối, và phản nản với giới chức và báo chí Hoa Kỳ, gây dư luận chống đối ông Diệm vì ông ta “phản dân chủ” và đàn áp tôn giáo.

Kennedy lật đổ Ông Diệm chỉ vì muốn đắc cử

Cả hai vấn đề trên đây đưa ông Diệm đến va chạm với chính phủ Kennedy vì nó xảy ra ngay trong lúc Kennedy cần tạo hình ảnh tốt trong dư luận, về phía Tả lẫn phía Hữu, để chắc chắn tái đắc cử vào tháng 11, 1964, nhưng đồng thời ông ta lại có ý định bỏ rơi Miền Nam Việt Nam vào năm 1965. Dữ kiện Kennedy muốn rút khỏi và bỏ rơi Việt Nam nay đã được xác nhận một cách chắc chắn bởi hai người rất có thẩm quyền vì họ là người rất thân cận ông Kennedy và rất có uy tín. Đó là các ông Kenneth O'Donnell, bí thư của ông ta, và ông Charles Bartlett, một nhà báo có tên tuổi và bạn thân của ông ta.

Ông O'Donnell tiết lộ trong hồi ký ông rằng vào mùa xuân 1963, Kennedy nói với Thượng nghị sĩ Mike Mansfield rằng ông đồng ý với ông này về nhu cầu “rút hết quân khỏi Việt Nam,” nhưng ông ta không thực hành việc này ngay được, phải đợi đến sau 1965, sau khi ông tái đắc cử. Nếu ông ta công bố ý định này trước cuộc tuyển cử 1964 thì “phía bảo thủ sẽ la ó rùm beng kêu gọi đừng bỏ phiếu bầu ông ta làm tổng thống một nhiệm kỳ thứ hai nữa.” Xin đọc giả ghi ý định “rút hết quân khỏi Việt Nam.”

Sau khi Thượng nghị sĩ Mansfield ra về,

Kennedy nói với O'Donnell: "Năm 1965, tôi sẽ là một tổng thống ít được ưa chuộng nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Người ta sẽ nguyên rủa tôi khắp nơi như một người nhân nhượng Cộng sản. Nhưng tôi đêch cần. Nếu chúng ta rút khỏi Việt Nam bây giờ, chúng ta sẽ phải đương đầu với một vụ la hoảng kiểu McCarthy, nhưng tôi có thể rút quân sau khi tôi tái đắc cử. Cho nên, chúng ta phải lo sao cho tôi chắc chắn tái đắc cử." (7) Xin đọc giả ghi ý tưởng: bị nguyên rủa vì bỏ rơi Việt Nam "Tôi đêch cần."

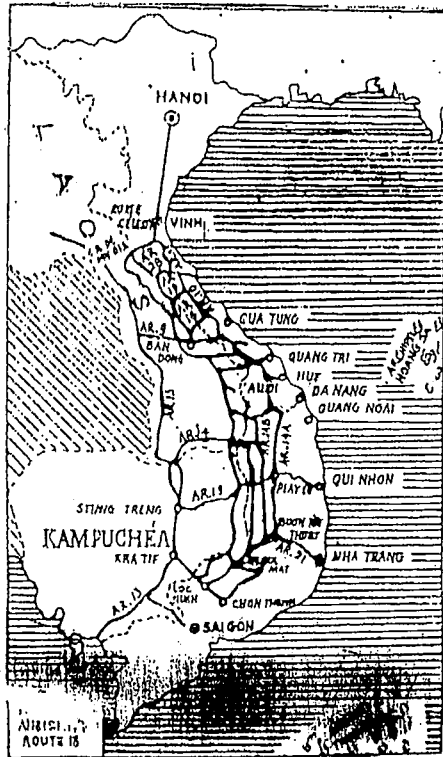
Ý định rút khỏi Việt Nam vào năm 1965 của Kennedy được Ông Charles Bartlett xác nhận với Giáo Sư Winters năm 1988. Ông Kennedy nói với ông này vào tháng Chín năm 1963: "Chúng ta chẳng có tương lai gì cả ở Việt Nam. Chúng ta sẽ bị đá văng ra khỏi đó. Nhưng tôi không thể bỏ rơi Việt Nam trước 1964. Tôi không thể ra trước cử tri và xin họ bỏ phiếu tái cử tôi sau khi tôi đã để cho cộng sản chiếm mất hai lãnh thổ [Lào và Việt Nam]." Nhưng sau khi tái đắc cử, ông ta sẽ rảnh tay rút lui. (192) Xin đọc giả ghi ý tưởng chấp bại - chưa đánh đã chịu thua - : "Chúng ta sẽ bị đá văng ra ngoài," ý tưởng "để cho cộng sản chiếm Lào và Việt Nam."

Cho nên Kennedy quyết định lật đổ Ông Ngô Đình Diệm năm 1963 vì nhu cầu cá nhân cải thiện hình ảnh về phía Tả và phía Hữu để chắc ăn trong cuộc tuyển cử 1964, và Ông Diệm được coi như là "một mối đe dọa" cho sự tái đắc cử của ông ta. (193)

Ông Diệm bị lật đổ và bị sát hại thế nào là chuyện mọi người đều biết, tưởng không cần nhắc lại ở đây. Điều mà chúng ta, người Việt đã phải bỏ xừ ra đi, cần biết là không những Ông Kennedy đã nhứt nhát tỏ ra chấp bại đối với cộng sản, tàn nhẫn bất cần đối với dân Miền Nam, nhưng hơn nữa, ông đã xử sự rất tàn tệ đối với một người đồng minh: chính ông

đã tạo điều kiện cho Hà Nội dùng lãnh thổ Lào gia tăng tấn công Miền Nam dữ dội, ông lại chạy tội và trút lỗi cho Ông Diệm, chê ông này không ngăn chặn nổi cộng sản, và phản dân chủ, đàn áp tôn giáo, để vận động dư luận chấp nhận việc lật đổ ông. Hậu quả của sự lật đổ Ông Diệm rất tai hại cho Miền Nam. Vì thiếu chỗ, ở đây chỉ có thể nêu lên một khía cạnh: theo chủ thuyết cách mạng Lê-nin, ngày nào mà cơ cấu quốc gia của địch, nghĩa là bộ máy chính trị, hành chánh, công an cảnh sát, quân đội, v.v... còn nguyên thì cách mạng không hy vọng gì đánh bại địch, và phải tránh tổng tấn công để khỏi bị tổn thất nặng. Nhưng ngày nào mà bộ máy đó tan rã thì phải tổng tấn công liền để cướp chính quyền. Đây chính là tình trạng mà Hoa Kỳ gây nên với sự lật đổ chính phủ ông Diệm ngày 2/11/1963, với hậu quả là, như đài phát

THE HO CHI MINH TRAIL NETWORK



thanh Hà Nội mừng reo, Hoa Kỳ "không khi nào tìm được một người hữu hiệu hơn Ông Diệm," (Hammer, tr.309) và Mỹ "đã tự mình hủy diệt những cơ sở chính trị mà họ đã mất hết bao nhiêu năm để xây dựng" (112). Nguyễn Hữu Thọ đã tóm tắt việc làm của chính phủ Kennedy trong một câu: "Sự lật đổ Ông Diệm là quà trời ban cho chúng tôi." Ở đây thay chữ "trời" bằng chữ "Kennedy" mới đúng!!! Rõ ràng là Kennedy đã hiến Miền Nam Việt Nam cho cộng sản. Với những sự kiện đã nêu ở các đoạn trên, đây là một sự thực mà ngày nay không ai chối cãi được.

Trách móc nhưng không kết tội người Việt

Tôi đã mất 36 năm mới tìm ra được sự thực trên đây, và nói lên sự thực trên đây. Trong thời gian đó, tôi đã sưu tầm, khảo cứu, thu thập tài liệu, những mẫu chuyện - kể cả bí mật thâm cung - để tìm biết đích xác ai trách nhiệm về việc tẩy trời là làm mất Miền Nam Việt Nam. Tôi phải thú thật là tôi ghi nhận là

Ông Ngô Đình Diệm, Ông Ngô Đình Nhu, bà Ngô Đình Nhu, Đức Cha Ngô Đình Thục, Thượng Tọa Thích Trí Quang, các tướng lãnh đảo chính, các trí thức chính trị gia Việt Nam... đều có trách nhiệm.

Ông Diệm, vì đã quá khắt khe trong việc duy trì an ninh trật tự, không hiểu tầm quan trọng của báo chí Hoa Kỳ, vụng về trong vụ ra chỉ thị về việc treo cờ vào ngày dịp Phật Đản, thiếu nhạy bén trong phản ứng về dư luận, và quá nể nang ông anh, Đức Cha Thục. Ông Nhu, vì quá cứng rắn, quá khắt khe trong sự đối xử với đối lập, và quá tin vào sự trung thành của đàn em trong Đảng Cần Lao.

Bà Nhu, vì ăn nói bừa bãi, làm cho nhiều người ghét, và ghét lây chế độ. Đức Cha Thục vì kiêu căng, xen vào việc hành chánh, khinh thị Phật Giáo và có những hành vi làm cho Phật tử Huế căm phẫn. Thượng Tọa Thích Trí Quang, cũng vì quá kiêu căng nên mất sáng suốt, đã lôi kéo Phật tử vào việc khuấy động dư luận Hoa Kỳ để lật đổ Ông Diệm, với ảo tưởng rằng sau khi Ông Diệm bị lật đổ Hoa Kỳ sẽ đưa Phật giáo lên địa vị cao. Hai chức sắc tôn giáo cao cấp này đã cùng nhau gây ra "Vụ Phật Giáo."

Các tướng lãnh đảo chánh ngây thơ mù quáng tưởng rằng Kennedy muốn lật Ông Diệm để tạo điều kiện chiến đấu chống cộng mạnh hơn. Các trí thức, chính trị gia, không thực tế, đòi hỏi quá nhiều trong khi xứ sở đang bị cộng sản tấn công bao vây, và đã làm to rằng Hoa Kỳ muốn lật đổ Ông Diệm để cho các ông hưởng dân chủ kiểu Jefferson. Nhưng tất cả những yếu tố trên, lẻ tẻ, hay gộp chung lại, không đủ làm cho Miền Nam tan rã, mất hết khả năng tồn tại, và rơi vào tay cộng sản một cách dễ dàng. Chỉ có mở cửa rộng toang cho cộng sản tự do xử dụng Lào làm căn cứ và đường di chuyển binh đội và khí giới vào Nam, chỉ có làm cho họ tin chắc rằng Hoa Kỳ không quyết tâm ngăn cộng sản xâm chiếm Miền Nam, và cộng sản chỉ cần lý ra tất cuối cùng sẽ thắng, chỉ có làm tan rã cơ cấu quốc gia của Miền Nam từ trong và từ trên, chỉ có biến Việt Nam Cộng Hòa thành một nước bảo hộ và chính phủ Việt Nam thành bù nhìn rõ ràng trong một cuộc chiến tranh mà đa số chiến sĩ bên kia tin rằng đó là một cuộc chiến tranh chống áp đặt lên Việt Nam một chế độ thực dân mới, THÌ cộng sản mới có điều kiện chiến thắng và chiếm cứ Miền Nam được.

Ông Kennedy, vì "đồng hóa sự tái đắc cử

của cá nhân mình với quyền lợi quốc gia," như G.S.Winters ghi nhận, (191-195) đã tạo những điều kiện trên đây. Cho nên, ông là người thực sự đã làm Miền Nam rơi vào tay cộng sản. Đây là một sự thực lịch sử.

Bây giờ người Việt chúng ta đã biết rõ như vậy thì không còn lý do gì mà tiếp tục hận thù nhau, hằn học nhau, đổ kỵ nhau, kết tội nhau đã làm mất nước. Tôi đã mất 36 năm để tìm hiểu tường tận vụ đảo chính ngày 2/11/1963, với hy vọng là sẽ giúp vào công cuộc giải tỏa những hận thù, đối kháng nhau giữa người Việt Nam. Ngày nay tôi rất sung sướng, vì tôi đã tìm ra được lời giải cho câu hỏi: "Ai thực sự trách nhiệm về việc Miền Nam rơi vào tay cộng sản," và có thể quả quyết rằng trong số những người Việt Nam kể trên, từ Ông Diệm đến mấy ông chính trị gia Việt Nam, không ai là người mang cái tội tày trời đó hết. Tất cả đều là nạn nhân của ông Kennedy. Do đó, trong vụ đảo chánh và lật đổ Ông Diệm, về phía Việt Nam, chúng ta có thể có một số trách móc, nhưng chúng ta không nên kết tội ai hết. Như vậy mới thực hiện được sự đoàn kết mà ngày nay mọi người đều mong muốn.

Tôi kết thúc bài này với một câu chuyện mà có lẽ người Việt Nam, quen thuộc với khái niệm "Nhân-Quả" sẽ nghe với thích thú, là chuyện sau đây. Trước ngày dọn vào Dinh Tổng Thống để thay thế Ông Kennedy bị ám sát ngày 22 tháng 11, ông L.B. Johnson tiếp Thượng nghị sĩ Hubert Humphrey tại tư thất. Chỉ vào một tấm hình của Ông Diệm bày trong nhà ông, Ông Johnson nói: "Chúng ta đã nhúng tay vào vụ giết ông này. Bây giờ chuyện đó lại xảy ra ở đây." (113)

Ottawa, 2 tháng 11, 1999

Chú thích

1. Athens and London, The University of Georgia Press, 1997.
2. New Haven and London, Yale University Press, 1995.
3. New York, Oxford, Oxford University Press, 1987.
4. New York, Harper and Row, 1965.
5. New York, Charles Scribner & Sons, 1985.
6. Về vấn đề Lào, xem: Frederick Nolting, *From Trust to Tragedy*, New York, London, Prager, 1988, chương 6 và trang 105.
7. Kenneth P.O'Donnell and David F.Powers with Joe McCarthy: *Johnny, We Hardly Know Yee*, Boston, Toronto, Little Brown and Company, 1972, p.16